

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 46 /2026/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 11 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy trình kiểm tra nội dung về đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp
luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Luật sửa đổi, bổ sung một
số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị quyết số 198/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế,
chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân;*

*Căn cứ Nghị định số 122/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2021 của
Chính phủ quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư;*

*Căn cứ Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của
Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số 217/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 8 năm 2025 của
Chính phủ về hoạt động kiểm tra chuyên ngành;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 41/TTr-STC ngày
27 tháng 3 năm 2026 và Công văn số 3035/STC-ĐKKD ngày 18 tháng 4 năm
2026; Báo cáo số 21/BC-STP ngày 23 tháng 01 năm 2026, Báo cáo số 99/BC-STP
ngày 22 tháng 3 năm 2026, Công văn số 970/STP-XD&TDTHPL ngày 17 tháng 4
năm 2026 của Sở Tư pháp; ý kiến thống nhất của thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh;*

*Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy trình kiểm tra nội
dung về đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.*

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy trình kiểm tra nội dung
về đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21 tháng 5 năm 2026.

Điều 3. Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu Lý Sơn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3; 
- Bộ Tài chính;
- Vụ pháp chế, Bộ Tài chính;
- Cục Phát triển tư nhân và KTTT, Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và TCTHPL, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Báo và PTTH Quảng Ngãi;
- VPUB tỉnh: CVP, PCVP, các phòng, ban, đơn vị;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH.PTNT. 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Phước Hiền



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY TRÌNH

Kiểm tra nội dung về đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

(Ban hành kèm theo Quyết định số 46/2026/QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định về quy trình kiểm tra nội dung về đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi;
- Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân các cấp; Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi;
- Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu Lý Sơn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã); Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã;
- Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã.
- Các doanh nghiệp, hộ kinh doanh là đối tượng kiểm tra.
- Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc kiểm tra

- Thực hiện theo nguyên tắc hoạt động kiểm tra chuyên ngành quy định tại Điều 4 Nghị định số 217/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ về hoạt động kiểm tra chuyên ngành và các văn bản pháp luật có liên quan.
- Đối với doanh nghiệp trong Khu kinh tế Dung Quất, Khu kinh tế cửa khẩu Quốc tế Bờ Y và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi việc kiểm tra phải có sự phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi để đảm bảo đúng thẩm quyền quản lý nhà nước chuyên ngành. Trong quá trình kiểm tra, Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi là cơ quan phối hợp và đầu mối cung cấp thông tin đối với doanh nghiệp trong Khu kinh tế Dung Quất, Khu kinh tế cửa khẩu Quốc tế Bờ Y và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi để tránh chồng chéo giữa các cơ quan.

Chương II

THẨM QUYỀN, HÌNH THỨC, ĐỊA ĐIỂM, THỜI HẠN VÀ TẦN SUẤT KIỂM TRA

Điều 4. Thẩm quyền kiểm tra

1. Giám đốc Sở Tài chính có thẩm quyền kiểm tra nội dung về đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.
2. Người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền kiểm tra nội dung về đăng ký kinh doanh đối với hộ kinh doanh thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Hình thức, địa điểm kiểm tra

1. Hình thức kiểm tra

Thực hiện theo hình thức kiểm tra chuyên ngành quy định tại khoản 4 Điều 15 Nghị định số 217/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ về hoạt động kiểm tra chuyên ngành và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Địa điểm kiểm tra

Đoàn kiểm tra làm việc tại trụ sở, nơi làm việc doanh nghiệp, hộ kinh doanh là đối tượng kiểm tra; trụ sở cơ quan, đơn vị tiến hành kiểm tra hoặc tại nơi tiến hành kiểm tra, xác minh theo kế hoạch tiến hành kiểm tra.

Điều 6. Thời hạn và tần suất kiểm tra

1. Thời hạn kiểm tra

a) Đối với cuộc kiểm tra do Sở Tài chính tổ chức thực hiện: Thời hạn kiểm tra không quá 10 ngày, trường hợp phức tạp hoặc địa bàn đi lại khó khăn thì được gia hạn một lần không quá 05 ngày.

b) Đối với cuộc kiểm tra do cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện: Thời hạn kiểm tra không quá 07 ngày, trường hợp phức tạp hoặc địa bàn đi lại khó khăn thì được gia hạn một lần không quá 03 ngày.

c) Thời hạn kiểm tra được tính từ ngày công bố quyết định kiểm tra.

2. Tần suất kiểm tra

Không quá một lần trong một năm đối với mỗi doanh nghiệp, hộ kinh doanh trừ trường hợp có dấu hiệu vi phạm rõ ràng.

Chương III

XÂY DỰNG, PHÊ DUYỆT, ĐIỀU CHỈNH VÀ CÔNG KHAI KẾ HOẠCH KIỂM TRA; NỘI DUNG, TRÌNH TỰ KIỂM TRA VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH XỬ LÝ VỀ KIỂM TRA

Điều 7. Xây dựng, phê duyệt, điều chỉnh và công khai kế hoạch kiểm tra

1. Công tác xây dựng và công khai kế hoạch kiểm tra nội dung về đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh thực hiện theo Điều 10, Điều 11 Quy chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi ban hành kèm theo Quyết định số 13/2026/QĐ-UBND ngày 02 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

2. Sở Tài chính và Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt Kế hoạch kiểm tra trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao sau khi Thanh tra tỉnh thực hiện rà soát, xử lý chồng chéo, trùng lặp theo quy định.

3. Trong quá trình thực hiện, căn cứ yêu cầu quản lý nhà nước, tình hình thực tế hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, Sở Tài chính và Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định điều chỉnh kế hoạch kiểm tra theo thẩm quyền. Kế hoạch điều chỉnh phải gửi Thanh tra tỉnh để rà soát, xử lý chồng chéo, trùng lặp trước khi phê duyệt điều chỉnh.

4. Việc kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc theo yêu cầu quản lý nhà nước được thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 7 Nghị định số 217/2025/NĐ-CP.

Điều 8. Nội dung kiểm tra

Xem xét, đánh giá việc chấp hành các quy định của pháp luật về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh tại Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15; Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp; Nghị định số 122/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 9. Trình tự kiểm tra

1. Người có thẩm quyền quy định tại Điều 4 Quy trình này ban hành Quyết định kiểm tra và thành lập Đoàn kiểm tra.

2. Ban hành Quyết định kiểm tra

a) Căn cứ ban hành Quyết định kiểm tra:

- Kế hoạch kiểm tra hằng năm được phê duyệt;

- Khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật về đăng ký kinh doanh.

- Theo chỉ đạo của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước; theo yêu cầu, đề nghị của cơ quan, người có thẩm quyền.

b) Nội dung quyết định kiểm tra phải thể hiện rõ căn cứ ban hành quyết định kiểm tra; phạm vi, nội dung kiểm tra; đối tượng kiểm tra; thời hạn kiểm tra; thành phần đoàn kiểm tra.

c) Quyết định kiểm tra được công bố với đối tượng kiểm tra khi tiến hành kiểm tra.

3. Thành lập Đoàn kiểm tra

a) Đoàn kiểm tra được thành lập để thực hiện nhiệm vụ kiểm tra theo quyết định của người có thẩm quyền. Đoàn kiểm tra gồm Trưởng đoàn, Phó trưởng đoàn (nếu có) và các thành viên.

b) Trưởng đoàn, thành viên Đoàn kiểm tra phải là người am hiểu pháp luật, có năng lực, chuyên môn phù hợp với nội dung kiểm tra về đăng ký kinh doanh; không trong thời gian xem xét, xử lý kỷ luật, xử lý hình sự; không thuộc trường hợp xung đột lợi ích với đối tượng kiểm tra theo quy định.

4. Xây dựng, phê duyệt kế hoạch tiến hành kiểm tra

a) Người được giao làm Trưởng đoàn kiểm tra có trách nhiệm xây dựng, ban hành kế hoạch tiến hành kiểm tra trình người ra quyết định kiểm tra phê duyệt.

b) Kế hoạch tiến hành kiểm tra phải thể hiện rõ các nội dung: mục tiêu, yêu cầu, đối tượng, nội dung, thời gian, địa điểm, phương thức kiểm tra, phân công nhiệm vụ cho các thành viên đoàn kiểm tra và dự kiến các nguồn lực thực hiện cho hoạt động kiểm tra.

5. Tiến hành kiểm tra và xử lý vi phạm:

Thực hiện theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 217/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ về hoạt động kiểm tra chuyên ngành.

Báo cáo kết quả kiểm tra được thực hiện bằng văn bản, bao gồm các nội dung cơ bản sau đây: Khái quát chung về đối tượng kiểm tra, quá trình tiến hành kiểm tra; Kết quả kiểm tra (*Nội dung, phạm vi, giới hạn kiểm tra, kết quả kiểm tra*); Đánh giá, nhận xét về những nội dung đã tiến hành kiểm tra đối với từng nội dung kiểm tra cụ thể (*những mặt đã đạt được, những mặt còn tồn tại, hạn chế; nguyên nhân của tồn tại, hạn chế*); Các biện pháp xử lý theo thẩm quyền đã áp dụng (*nếu có*); Những ý kiến còn khác nhau giữa các thành viên Đoàn kiểm tra (*nếu có*); Kiến nghị của Đoàn kiểm tra.

Thời hạn xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra, dự thảo văn bản yêu cầu chấn chỉnh, khắc phục không quá 07 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra.

Thời hạn người ra quyết định kiểm tra xem xét ký, ban hành văn bản yêu cầu chấn chỉnh, khắc phục các tồn tại, hạn chế sau kiểm tra không quá 05 ngày kể từ ngày nhận được dự thảo văn bản yêu cầu chấn chỉnh, khắc phục.

Điều 10. Tổ chức thực hiện quyết định xử lý về kiểm tra

1. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị tiến hành kiểm tra có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức việc theo dõi, đôn đốc thực hiện quyết định xử lý về kiểm tra của các cuộc kiểm tra thuộc thẩm quyền của mình, bao gồm quyết định xử phạt vi phạm hành chính, văn bản yêu cầu chấn chỉnh, khắc phục tồn tại, hạn chế sau kiểm tra (nếu có). Trường hợp cần thiết thì báo cáo Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cấp trên để có biện pháp xử lý, bảo đảm thực hiện đúng, đầy đủ các quyết định xử lý về kiểm tra.

2. Đối tượng kiểm tra và tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc, đầy đủ quyết định xử lý về kiểm tra.

Chương IV

CÔNG TÁC PHỐI HỢP, CHIA SẺ THÔNG TIN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CÓ LIÊN QUAN TRONG HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA NỘI DUNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH; THEO DÕI, KIỂM SOÁT HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA; ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG CÔNG TÁC KIỂM TRA

Điều 11. Công tác phối hợp, chia sẻ thông tin và trách nhiệm của các đơn vị, cơ quan có liên quan trong hoạt động kiểm tra

Công tác phối hợp, chia sẻ thông tin và trách nhiệm của các đơn vị, cơ quan có liên quan trong hoạt động kiểm tra nội dung đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh thực hiện theo Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 12, Điều 13 Quy chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi ban hành kèm theo Quyết định số 13/2026/QĐ-UBND ngày 02 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 12. Theo dõi, kiểm soát hoạt động kiểm tra

1. Theo dõi và kiểm soát hoạt động kiểm tra

Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức, theo dõi, kiểm soát hoạt động kiểm tra của Đoàn kiểm tra theo thẩm quyền và quy định của pháp luật. Nội dung theo dõi, kiểm soát bao gồm:

a) Việc chấp hành quyết định kiểm tra và kế hoạch kiểm tra đã được phê duyệt, bảo đảm đúng nội dung, phạm vi, đối tượng, thời hạn kiểm tra;

b) Việc tuân thủ trình tự, thủ tục, nguyên tắc tiến hành kiểm tra; việc thu thập tài liệu, lập biên bản, xây dựng và ban hành báo cáo kết quả kiểm tra;

c) Việc thực hiện chế độ báo cáo, quản lý hồ sơ kiểm tra và theo dõi, đôn đốc thực hiện các kiến nghị, quyết định xử lý sau kiểm tra;

d) Việc chấp hành nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng đoàn và các thành viên Đoàn kiểm tra theo quy định của pháp luật và Quy trình này.

2. Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tiếp nhận, xem xét, xử lý hoặc chỉ đạo xử lý phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, cá nhân liên quan đến hành vi của Trưởng đoàn và thành viên Đoàn kiểm tra trong quá trình kiểm tra; Tổ chức kiểm tra, xác minh khi có dấu hiệu vi phạm trong hoạt động kiểm tra; Xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý đối với tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm.

3. Kết quả kiểm tra và kết quả xử lý sau kiểm tra được thực hiện công khai theo quy định của pháp luật. Hình thức công khai đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan (nếu có).

Điều 13. Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kiểm tra

1. Khuyến khích các cơ quan quản lý nhà nước ứng dụng công nghệ thông tin để thực hiện trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh, qua mạng điện tử kết nối giữa các Hệ thống thông tin của các cơ quan quản lý phục vụ công tác kiểm tra.

Trong trường hợp cần thiết theo nhu cầu quản lý và sử dụng thông tin hoặc do yếu tố kỹ thuật, các bên có thể trao đổi thông tin qua thư điện tử (email), truyền tập tin (file) dữ liệu điện tử hoặc các hình thức khác.

2. Đoàn kiểm tra thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình kiểm tra, bao gồm việc khai thác, sử dụng dữ liệu điện tử từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành có liên quan theo quy định của pháp luật.

3. Việc khai thác, sử dụng và chia sẻ dữ liệu điện tử phục vụ công tác kiểm tra phải bảo đảm đúng thẩm quyền, đúng mục đích, tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu, bảo mật thông tin, an toàn hệ thống thông tin và các quy định pháp luật có liên quan.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Tổ chức thực hiện

1. Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan, doanh nghiệp, hộ kinh doanh có trách nhiệm thực hiện Quy trình kiểm tra về nội dung đăng ký kinh doanh và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện, trường hợp phát sinh vướng mắc, khó khăn, các cơ quan, địa phương, tổ chức và cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét chỉ đạo hoặc sửa đổi, bổ sung Quy trình cho phù hợp./.